

Vai trò của các tổ chức xã hội và những định hướng phát triển ở Việt Nam hiện nay

Cao Việt Thăng^(*)

Tóm tắt: *Như một nhu cầu khách quan, các tổ chức xã hội tự nguyện ở Việt Nam hiện nay đang phát triển ngày càng mạnh mẽ. Thực tế này cũng phản ánh nhu cầu liên kết tự nhiên của xã hội loài người. Quá trình phát triển đó đã góp phần khơi dậy những tiềm năng xã hội, mang đến sự giải phóng đối với mỗi cá nhân, đóng góp vào sự ổn định và phát triển đất nước. Từ phương diện quản lý nhà nước, việc xây dựng những cơ chế pháp lý hữu hiệu nhằm định hướng cho các tổ chức xã hội phát triển, giữ vững sự ổn định xã hội và khơi dậy được các tiềm năng để phát triển là nhu cầu cần thiết.*

Từ khóa: Tổ chức xã hội, Vai trò, Định hướng phát triển

Abstract: *In Vietnam, voluntary social organizations have been growing increasingly, which reflects an objective fact and natural need for links in human society. This ongoing tendency has, to some degree, aroused social potentials and freed each individual which has also contributed to the stabilization and development of the country. From the perspective of state management, creation of effective legal mechanism is a necessity to orientate the development of social organizations, maintain social stability and evoke potentials for the development.*

Keywords: Social organization, Role, Development Guidance

Mở đầu

Nhu cầu sinh sống cộng đồng là một trong những bản năng của loài người. Bởi từ khi sinh ra, con người đã ngay lập tức trở thành thành viên của một tổ chức được gọi là gia đình. Trong quá trình trưởng thành, con người cũng từng bước tham gia sâu hơn vào các tổ chức xã hội như trường học, các đoàn thể, các câu lạc bộ văn nghệ, thể thao, các tổ chức xã hội tự nguyện...

Điều đó cho thấy đây là nhu cầu tự nhiên và chính đáng của con người. Việc tham gia vào các tổ chức xã hội một mặt làm cho con người thỏa mãn các nhu cầu tự nhiên, nhưng mặt khác cũng chính là nơi để họ có thể phát huy được những tiềm năng đang ẩn chứa trong mỗi cá nhân thông qua các hoạt động của các tổ chức xã hội. Nói cách khác, các tổ chức xã hội ngoài vai trò có thể thỏa mãn các nhu cầu cá nhân còn là nơi giải phóng các tiềm năng của con người.

1. Tổ chức xã hội

Trong trạng thái tự nhiên, con người không phải chịu bất cứ một ràng buộc nào

^(*) ThS., Viện Nhà nước và Pháp luật, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam;
Email: caothang@isl.gov.vn

và họ có thể làm bất cứ những gì mình muốn. Nhưng khi đã tham gia vào đời sống cộng đồng thì việc giới hạn một số tự do đối với cá nhân là yêu cầu bắt buộc. Sự giới hạn đó được duy trì trên cơ sở các khế ước (pháp luật) mà các cộng đồng, quốc gia xây dựng và thông qua.

Ngược với quá trình tham gia bắt buộc với tư cách là thành viên của một cộng đồng, nhà nước, mỗi thành viên khi tham gia vào khế ước phải từ bỏ một phần tự do tự nhiên nhằm đảm bảo tự do của người này không làm ảnh hưởng đến tự do của người khác. Những cơ chế hợp tác tự nguyện, phi lợi nhuận đã đem đến sự giải phóng cho mỗi cá nhân trong xã hội loài người. Đây chính là nơi con người tìm đến với nhau nhằm thỏa mãn các nhu cầu xã hội trong các tổ chức xã hội tự nguyện phi quan phương. Với tính cách như vậy, các tổ chức xã hội tự nguyện rõ ràng đang thực hiện chức năng liên kết tự nhiên và đem đến sự cân bằng cho con người. Các tổ chức xã hội tự nguyện đem đến sự bổ sung cần thiết nhằm khắc phục những khiếm khuyết mà nhà nước và thị trường tạo ra. Bởi đối với nhà nước, với sự ràng buộc của các thiết chế quan phương với những quy định chặt chẽ về quyền và nghĩa vụ khiến cho các hành vi của con người luôn có xu hướng bị kìm nén bởi các thiết chế pháp lý. Thị trường, nơi con người có thể tìm kiếm được các cơ hội giá trị thông qua chức năng trao đổi của nó, lại luôn đòi hỏi mỗi cá nhân phải đưa ra những phép tính phù hợp.

Ngược lại, khi tham gia vào các tổ chức xã hội, các cá nhân sẽ cảm thấy được tự do hơn khi họ không bị ràng buộc bởi các yếu tố quan phương, do các tổ chức xã hội không có thẩm quyền ban hành pháp luật. Đồng thời, các cá nhân cũng không phải cố gắng đưa ra những phép tính hợp

lý để tránh những thiệt hại do sai lầm như ở trên thị trường. Vì vậy, việc các cá nhân trong các tổ chức xã hội có được sự thỏa mãn nhu cầu vật chất từ các tổ chức này cũng khác với sự thỏa mãn có được trên thị trường, đó là sự thỏa mãn vật chất phi vụ lợi. Đối với các tổ chức xã hội, sự thỏa mãn các nhu cầu vật chất trong các tổ chức này không phải là yếu tố quyết định để cá nhân lựa chọn tham gia vào tổ chức đó, mà nó chỉ là sự tương hỗ giữa các thành viên. Với những ưu điểm về tự do, tự nguyện và thỏa mãn vật chất phi vụ lợi vừa nêu, các tổ chức xã hội chính là nơi bổ khuyết cần thiết cho những hạn chế của nhà nước và thị trường. Điều đó cho thấy việc khuyến khích các cá nhân tham gia vào các tổ chức xã hội tự nguyện sẽ đem đến sự giải phóng đối với con người về nhiều phương diện, cả về vật chất và tinh thần.

Ở đây cần nhấn mạnh rằng, các tổ chức xã hội tự nguyện không bao hàm các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội. Theo quy định của Hiến pháp hiện hành: Đảng Cộng sản Việt Nam được định danh là tổ chức chính trị¹; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và 5 tổ chức thành viên gồm Công đoàn Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam được ghi nhận là các tổ chức chính trị - xã hội². Các tổ chức này không được coi là tổ chức xã hội vì có chức năng chính trị và không được thành lập tự nguyện bởi các cá nhân. Tổ chức xã hội được hiểu là các tổ chức do các cá nhân tự nguyện thành lập và không có chức năng chính trị.

¹ Điều 4, Hiến pháp năm 2013.

² Điều 9, Hiến pháp năm 2013.

2. Quyền thành lập, tham gia vào các tổ chức xã hội và những đóng góp, thách thức về phát triển các tổ chức xã hội ở Việt Nam hiện nay

2.1. Quyền thành lập và tham gia các tổ chức xã hội của cá nhân

Hiện có hai lý thuyết về quyền đang được thừa nhận: “*Thuyết thứ nhất, được gọi là thuyết ý nguyện*, cho rằng: khi tôi có quyền làm điều gì, thì điều thực sự được bảo vệ là sự lựa chọn của tôi rằng có nên làm hay không. Nó nhấn mạnh đến sự tự do đạt được ý nguyện của tôi. *Thuyết thứ hai, được gọi là thuyết lợi ích*, khẳng định mục đích của quyền là bảo vệ, không phải sự lựa chọn cá nhân của tôi, mà là một số những lợi ích nào đó của tôi. Nó thường được coi là một giải thích tốt hơn về việc có một quyền là gì” (Wacks, 2011: 102).

Như vậy về lý thuyết, nếu tiếp cận từ góc độ các quyền của cá nhân, có thể thấy, *một số lợi ích nào đó của cá nhân* muốn đạt được thì phải được sự thừa nhận, tôn trọng của cộng đồng (đại diện là nhà nước). Tuy nhiên, ở phạm vi phổ quát nhất, các cá nhân cũng phải đòi hỏi những yêu cầu tối thiểu đối với nhà nước như: quyền được sống, quyền tự do ý chí, quyền được bảo vệ sức khỏe và tài sản, quyền tự do cư trú, quyền tự do hội họp... Vì vậy, khi cá nhân trở thành thành viên của một nhà nước (công dân), họ chỉ phải từ bỏ một phần tự do tự nhiên để góp vào trật tự chung của nhà nước, chứ không phải từ bỏ toàn bộ tự do tự nhiên để tham gia vào mối quan hệ với nhà nước. Từ phương diện tự do cá nhân có thể thấy, những phạm vi tự do mà pháp luật không cấm thuộc về mỗi cá nhân, vì vậy nhà nước phải tôn trọng để mỗi cá nhân có thể làm những gì họ muốn.

Việc tham gia vào các tổ chức xã hội tự nguyện là phạm vi tự do chính đáng của cá nhân, nó vừa thể hiện quyền tự do ý chí nhưng đồng thời cũng thể hiện quyền tự do hội họp. Vì vậy, với vai trò của mình, nhà nước nên tạo điều kiện để cá nhân có thể thỏa mãn các nhu cầu chính đáng này. Tuy nhiên, trong một số trường hợp cần thiết hạn chế quyền này, nhà nước cần minh định các quyền hợp pháp đó bằng những hành lang pháp lý phù hợp - là luật chứ không phải các văn bản dưới luật. Điều đó sẽ giúp các tổ chức xã hội có định hướng phát triển theo hướng tích cực để đóng góp cho sự phát triển của đất nước.

Trước khi trở thành thành viên của bất cứ tổ chức xã hội tự nguyện nào, mọi cá nhân đều là công dân của một nhà nước nhất định. Vì vậy, các quyền và nghĩa vụ công dân chính là những cơ sở pháp lý ràng buộc hành vi cá nhân khi tham gia vào các hoạt động trong các tổ chức xã hội. Điều đó cũng có nghĩa là việc cá nhân tham gia vào các tổ chức xã hội mà gây tổn hại cho nhà nước thì cá nhân đã phải chịu trách nhiệm với tư cách công dân của nhà nước. Từ khía cạnh quyền tự do của cá nhân, việc tạo điều kiện phát triển các tổ chức xã hội là một phương thức bảo đảm của nhà nước đối với các quyền cá nhân.

2.2. Những đóng góp tích cực của các tổ chức xã hội ở Việt Nam

Từ góc độ giá trị, có thể thấy tổ chức xã hội tự nguyện chính là một loại vốn xã hội. Điều này chứng minh rằng, thời gian qua ở Việt Nam với sự tham gia của tổ chức xã hội tự nguyện, nhiều công việc của xã hội (mà Nhà nước chưa thể quan tâm hết hoặc chưa đủ nguồn lực để thực hiện) đã được giải quyết bằng các nguồn lực của tổ chức này, như: các hoạt động nhân đạo, cứu trợ

xã hội, khắc phục thiên tai...¹. Những đóng góp đó đã phần nào chứng minh những tiềm năng, vốn xã hội của các tổ chức xã hội đem lại cho cộng đồng khi mà Nhà nước chưa có điều kiện thực hiện.

Khi tham gia vào các tổ chức xã hội, ngoài những mối quan tâm chung về tiêu chí của tổ chức, thì mỗi thành viên của tổ chức còn có điều kiện phát huy tinh thần tương hỗ trong phạm vi tổ chức. Nó thể hiện ở các liên kết tự nhiên như sự quan tâm, trợ giúp lẫn nhau trong hoạt động thường nhật cũng như trong các tình huống bất thường. Những liên kết tự nguyện này đã đóng vai trò quan trọng trong việc giảm tải cho Nhà nước khi thực hiện các chức năng xã hội như: an sinh xã hội, cứu trợ xã hội, trợ giúp xã hội... Những sự tương hỗ đó đồng thời cũng góp phần làm giảm sự phân hóa xã hội thông qua quá trình tương hỗ giữa các thành viên của tổ chức.

Trong một số trường hợp, với địa vị của mình, Nhà nước không thể tham gia trực tiếp với tư cách là một chủ thể hợp pháp trong việc giải quyết các mâu thuẫn xã hội. Do đó, các tổ chức xã hội sẽ là những chủ thể hợp lý gánh vác sứ mệnh điều hòa xã hội.

Ở những phương diện nhất định, tổ chức xã hội còn góp phần quan trọng vào phản biện và giám sát xã hội, góp phần xây dựng một nhà nước công bằng, hiệu quả.

Từ góc độ hội nhập và phát triển, Nhà nước đảm bảo hành lang pháp lý cho sự phát triển của tổ chức xã hội sẽ giúp khơi dậy các

tiềm năng xã hội. Xã hội muốn phát triển một cách mạnh mẽ và hội nhập tốt hơn, Nhà nước cần bảo đảm và phát huy các quyền tự do cá nhân. Các kinh nghiệm trong hoạt động của các tổ chức xã hội (như các kinh nghiệm quản lý tổ chức xã hội, kinh nghiệm về tổ chức, tham gia các hoạt động xã hội...) có thể sẽ được các cá nhân phát huy tốt trong các hoạt động cộng đồng nói chung.

2.3. Một số thách thức trong thúc đẩy phát triển các tổ chức xã hội

Thực tế cho thấy, trên phạm vi thế giới cũng có khá nhiều vấn đề phức tạp nảy sinh do các tổ chức xã hội tự nguyện đem lại. Đây cũng là lý do một số nhà nước khá dè dặt đối với sự phát triển của các tổ chức xã hội và đôi khi họ cũng không mong muốn phát triển mạnh các tổ chức này. Về mặt lý thuyết, rõ ràng các tổ chức xã hội tự nguyện không phải là nơi thực hiện các hoạt động mang tính quyền lực. Nhưng thực tế bản thân các tổ chức xã hội tự nguyện vẫn hàm chứa trong mình một số quyền lực nhất định bởi các quyền cá nhân của các thành viên. Tuy nhiên, các quyền năng chính trị này chỉ mang tính tự phát, và do không có chủ đích thực hiện các hoạt động chính trị nên các quyền lực mà các tổ chức xã hội có được cũng khó có thể đem đến những rủi ro cho nhà nước. Điều này thể hiện ở những nội dung sau:

- Thứ nhất, các tổ chức xã hội tự nguyện thường được hình thành mang tính tự phát bởi các nhu cầu và sáng kiến của các cá nhân, do đó nó khác hẳn với các tổ chức mang tính chính trị có chủ trương, đường lối, cương lĩnh chính trị rõ ràng và có tổ chức chặt chẽ (nếu có thì nó không còn là tổ chức xã hội và không được các cơ quan quản lý nhà nước thừa nhận). Do đó, các tổ chức xã hội tự nguyện rất dễ bị tổn thương và khó có cơ hội gây tác động vào trật tự xã hội trong một nhà nước ổn định;

¹ Một số tổ chức xã hội đã tham gia xây dựng những cây cầu từ thiện như: Tuệ tâm VH, Quỹ từ thiện Người dám cho đi của IM Group. Chương trình xây dựng nhà tình nghĩa cũng đã được Quỹ từ thiện HTBC Foundation thực hiện. Bên cạnh đó, nhiều chương trình Xuân yêu thương đã được các tổ chức xã hội thực hiện.

- Thứ hai, việc không ràng buộc các thành viên bắt buộc phải từ bỏ các tự do cá nhân để góp vào trật tự chung trong tổ chức xã hội tự nguyện cũng nói nên sự hạn chế của các hoạt động quyền lực trong các tổ chức xã hội tự nguyện và khó có thể ảnh hưởng tới trật tự xã hội;

- Thứ ba, sự vận động của quyền lực trong tổ chức xã hội tự nguyện do tự phát và không có mục đích chính trị nên cũng khó có thể tác động tới trật tự xã hội.

Nhưng thực tế cho thấy, do các tổ chức xã hội không phải là tổ chức được thành lập bởi các mục đích chính trị và khởi thủy cũng không được trang bị các kiến thức về chính trị nên chính là những đối tượng dễ bị tác động và lôi kéo vào các hoạt động chính trị. Việc tham gia của các tổ chức xã hội vào các cuộc cách mạng màu trên thế giới thời gian qua là những ví dụ điển hình (Thành Tâm, 2014). Đây chính là những vấn đề gây nên sự quan ngại từ phía nhà nước đối với các tổ chức xã hội. Tuy nhiên, trong trường hợp này chúng ta phải xem xét từ cả phương diện nhà nước và phương diện các tổ chức xã hội. Từ phương diện nhà nước, có thể thấy việc thiếu những cơ chế pháp lý hữu hiệu để nhà nước có thể quản lý các tổ chức xã hội sẽ gây nên những rủi ro nêu trên. Đứng từ phương diện các tổ chức xã hội, trong trường hợp này rõ ràng các tổ chức xã hội đã bị các chủ thể hoạt động vì mục đích chính trị lợi dụng để thực hiện kế hoạch của họ. Đây cũng là những rủi ro cần phải tính đến đối với các tổ chức xã hội. Tuy nhiên, những rủi ro này hoàn toàn có thể loại bỏ khi xét tới tư cách công dân của các thành viên của tổ chức xã hội. Trước khi trở thành viên của các tổ chức xã hội, các cá nhân đều đã là công dân trong các nhà nước. Do đó, họ phải chịu trách nhiệm

pháp lý đối với những hành vi vi phạm pháp luật nếu xảy ra trên thực tế.

Từ những đánh giá trên, có thể thấy mặc dù các tổ chức xã hội tự nguyện cũng có những hạn chế nhất định nhưng các mặt tích cực rõ ràng được đánh giá cao hơn những hạn chế. Đồng thời khi tiếp cận dưới góc độ các quyền của cá nhân công dân thì đây cũng là những phạm vi quyền chính đáng khi mà chúng ta chưa có lý do thuyết phục để hạn chế quyền này. Vì vậy, vai trò của Nhà nước ta đối với tổ chức xã hội tự nguyện trong trường hợp này là: Nhà nước cần tạo dựng những không gian cho tổ chức xã hội tự nguyện phát triển, điều này phù hợp với tinh thần của một nhà nước pháp quyền, kiến tạo nhằm đảm bảo các quyền tự do, dân chủ cho nhân dân.

3. Về định hướng phát triển các tổ chức xã hội ở Việt Nam hiện nay

Như đã trình bày, tổ chức xã hội tự nguyện là nơi khơi dậy các tiềm năng xã hội, vì vậy Nhà nước cần khuyến khích tạo điều kiện để các tổ chức này phát triển, đóng góp nhiều hơn cho sự phát triển của đất nước. Tuy nhiên, nhìn từ phương diện nhà nước pháp quyền, việc thiếu vắng những quy định của *luật* điều chỉnh về tổ chức xã hội đã và đang đặt ra nhu cầu cấp thiết trong việc tiếp cận các quyền tự do của nhân dân. Cụ thể, cần có một đạo luật hợp hiến điều chỉnh về tổ chức và hoạt động của các tổ chức xã hội tự nguyện nhằm đáp ứng nhu cầu của nhân dân khi Hiến pháp yêu cầu: *Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền con người, quyền công dân được công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm theo Hiến pháp và luật*¹. Vì thực tế ở nước ta, Hiến pháp không có hiệu lực trực tiếp để điều chỉnh các quyền này mặc dù

¹ Khoản 1, Điều 14, Hiến pháp năm 2013.

các quyền này đã được quy định khá đầy đủ trong Hiến pháp¹.

Hiện nay, trên phương diện pháp lý, chúng ta mới có Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ *Quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội*. Thực tế là, nhiều vấn đề quy định trong nghị định này chưa đảm bảo những căn cứ khoa học trong lý thuyết lập pháp và chưa đáp ứng được nhu cầu của xã hội. Cụ thể, các quy định khá cứng nhắc, rườm rà về thủ tục thành lập các hội, trình tự thành lập, quy định về lý lịch tư pháp của những người đứng đầu ban vận động thành lập các hội, số lượng của ban vận động thành lập hội, số lượng hội viên (từ Điều 5 đến Điều 14)... Hay, ví dụ quy định: *Muốn thành lập hội, những người sáng lập phải thành lập ban vận động thành lập hội. Ban vận động thành lập hội được cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực chính mà hội dự kiến hoạt động công nhận*². Việc có hay không công nhận tư cách của những người thuộc ban thành lập hội là cơ sở thừa nhận hay không thừa nhận hội. Quy định này trái hẳn tư tưởng của Hiến pháp là: *các quyền con người, quyền công dân được công nhận, tôn trọng ở trên*, vì vậy nên chẳng cần quy định: *Nếu không có lý do chính đáng để từ chối ban sáng lập hội thì cơ quan quản lý nhà nước cụ thể phải thừa nhận tư cách của ban vận động thành lập hội*... Quy định như vậy mới phù hợp với tinh thần tự do trong Hiến pháp: *Công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tiếp cận thông tin, hội họp, lập hội*³... Ở đây chúng ta thấy văn bản pháp lý này được ban hành nhằm mục

đích quản lý thuận tiện đối với các tổ chức xã hội mà bỏ ngỏ nội dung hết sức quan trọng đó là bảo đảm quyền con người, bảo vệ quyền tự do của cá nhân. Việc pháp luật không định danh một cơ quan quản lý nhà nước cụ thể là đầu mối trong quản lý đối với các tổ chức xã hội tự nguyện mà ghi nhận một cách chung chung cũng đã chứng minh cho nhận định trên.

Trên thực tế, nhiều trường hợp các cơ quan quản lý nhà nước nếu không mong muốn sự ra đời của tổ chức xã hội nào đó thì sẽ đẩy trách nhiệm sang cơ quan khác dựa trên các quy định thiếu rõ ràng như trên khiến cho hội đó không thể thành lập được là điều hết sức bình thường. Vì vậy, việc định danh một cơ quan quản lý nhà nước làm đầu mối không có nghĩa rằng cơ quan đó có chức năng thẩm định toàn bộ những nội dung của toàn bộ các hội trên địa bàn của mình. Cơ quan này là đầu mối để thực hiện thẩm quyền quản lý nhà nước. Với tinh thần của một nhà nước phục vụ, họ cần phải là cơ quan tự tham vấn về chuyên môn đối với cơ quan quản lý nhà nước khác về ngành, lĩnh vực mà người dân yêu cầu. Việc đẩy trách nhiệm này cho các tổ chức xã hội tự nguyện rõ ràng là việc đẩy những khó khăn cho nhân dân và các tổ chức xã hội. Vì vậy, quy định pháp lý chung chung đang tồn tại này là trái với tinh thần của *Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân*⁴.

Sự chồng chéo của các cơ quan quản lý nhà nước đối với tổ chức và hoạt động của các tổ chức xã hội thể hiện ở việc có quá nhiều cơ quan có chức năng quản lý việc thành lập hội như: Bộ Nội vụ, sở Nội vụ, phòng Nội vụ, UBND cấp tỉnh, UBND cấp huyện và các cơ quan quản lý nhà nước

¹ Điều 25 Hiến pháp năm 2013.

² Khoản 1, Điều 6 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ.

³ Điều 25 Hiến pháp năm 2013.

⁴ Khoản 1, Điều 2 Hiến pháp năm 2013.

trong lĩnh vực hoạt động của hội... Điều này cũng gây những trở ngại rất lớn trong quá trình thành lập hội đối với các tổ chức xã hội tự nguyện. Từ phương diện quản lý nhà nước có thể thấy rằng, các chủ thể quản lý luôn mong muốn có được những quy phạm có lợi để dễ dàng thực hiện chức năng quản lý của mình. Tuy nhiên, ở chiều ngược lại, rõ ràng điều đó đã hạn chế việc bảo đảm các quyền con người và tự do của cá nhân từ phía các cơ quan nhà nước. Vì vậy nên quy định trong luật một cách cụ thể các quyền và nghĩa vụ của các tổ chức xã hội cũng như quy định một đầu mối cụ thể có chức năng quản lý nhà nước đối với các tổ chức này mà hạn chế sự chồng chéo như trên.

Về thẩm quyền văn bản, thực tiễn hiện nay ở nước ta, các quy định trong Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ đang gây nhiều tranh cãi, như về thẩm quyền ban hành, các nội dung quy định cụ thể... liên quan đến tổ chức, hoạt động và quản lý hội. Đây là vấn đề liên quan đến quyền con người, quyền và nghĩa vụ của công dân phải được ban hành bởi một luật và thuộc thẩm quyền của Quốc hội¹. Trong một nhà nước pháp quyền dân chủ, mọi quyền lực đều thuộc về nhân dân. Chính vì vậy, nhân dân chỉ có thể ủy quyền lập pháp về những vấn đề liên quan đến quyền, nghĩa vụ của họ cho Quốc hội của mình và quyền này không thể ủy quyền lại. Nghĩa là, với tư cách là chủ thể đầy đủ của quyền lực nhà nước, nhân dân là chủ thể có đủ tư cách nhất đối với quyền lực của họ. Các cơ quan đại diện do nhân dân bầu

ra được coi là cơ quan được dân chúng ủy quyền thực hiện nhiệm vụ duy trì và bảo vệ quyền lực nhân dân. Việc Quốc hội ủy quyền cho các cơ quan khác hay các cơ quan khác làm thay Quốc hội để ban hành những văn bản pháp lý liên quan đến quyền con người, quyền công dân là trái với quy định của Hiến pháp và vi phạm các nguyên tắc cơ bản của Nhà nước pháp quyền.

Về nguyên tắc, theo quy định của Hiến pháp hiện hành, rõ ràng nhân dân chỉ ủy quyền cho từng cơ quan chuyên biệt những chức năng và quyền hạn nhất định để thực hiện nhiệm vụ điều hành đất nước. Cho nên, sẽ là bất hợp lý nếu chức năng của cơ quan này lại bị chuyển giao cho cơ quan khác mà không có lý do chính đáng hay không được sự đồng thuận của nhân dân. Việc cơ quan lập pháp không thực hiện nhiệm vụ của mình mà lại chuyển giao cho cơ quan hành pháp hay bất kỳ một cơ quan nào khác sẽ là không chính đáng. Đặc biệt đây là những vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền lợi của nhân dân (mà phạm vi quyền này đã được ghi rõ là chỉ có thể được điều chỉnh bằng Hiến pháp và luật)². Vì vậy, với việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật liên quan trực tiếp đến quyền con người, quyền công dân thì các cơ chế ủy quyền lại trong lập pháp sẽ bị coi là vô hiệu. Thực tế chính Hiến pháp đã định danh cụ thể các văn bản có thẩm quyền điều chỉnh vấn đề này chỉ có thể là Hiến pháp và luật³.

(xem tiếp trang 59)

¹ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 88/2003/NĐ-CP ngày 30/7/2003 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội.

² Khoản 1, Điều 14, Hiến pháp năm 2013.

³ Điều 14 Hiến pháp năm 2013 quy định: Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội được công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật.